

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Trần Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2023/TLST – HNGĐ ngày 12/6/2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1977; nơi đăng ký thường trú: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thùy L trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Trần Ngọc T vào ngày 03/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, nghiện ma túy. Chị và gia đình đã động viên đưa anh T đi cai nghiện nhưng không được, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ năm

2020. Đầu năm 2021 Tòa án nhân dân huyện B đã áp dụng biện pháp hành chính đưa anh T vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam với thời hạn 24 tháng.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục giải quyết cho chị được ly hôn anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Do yêu cầu công việc không thể tham gia phiên tòa vì vậy chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

1.2. Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Trần Như P, sinh ngày 10/11/2012. Hiện cháu P sức khỏe yếu, tuy cháu đã 11 tuổi nhưng không đi lại được, cháu đang ở với chị; còn cháu T1 thì đang ở với bà nội cháu vì bố cháu đi cai nghiện.

Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai cháu vì hiện tại anh T đang phải cai nghiện tập trung nên không có điều kiện nuôi con, bản thân cháu P sức khỏe yếu không đi lại, tự phục vụ bản thân nên rất cần sự chăm sóc của chị. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị vì hiện tại anh T không có khả năng.

Chị xác định chị làm nghề tự do nên không có tài liệu giao nộp cho Tòa án; thu nhập bình quân đủ nuôi sống bản thân và hai cháu.

Chị xác định hiện tại chị không có thai.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Trần Ngọc T trình bày:

2.1. Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thùy L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 06 năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh mãi chơi, không làm chủ được bản thân nên mắc nghiện ma túy; từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi chửi đánh nhau. Từ tháng 02/2021 anh đã bị đưa đi cai nghiện tập trung tại Trung tâm cai nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Nay chị L kiện ly hôn; anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn chị. Do anh đang phải cai nghiện tập trung nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

2.2. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Trần Như P, sinh ngày 10/11/2012. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao chị L nuôi cháu P, giao anh nuôi cháu T1 và hai người không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Lý do anh đề nghị được

nuôi cháu T1 vì từ nhỏ đến nay cháu T1 đã ở với mẹ anh nên nếu giao cháu T1 cho chị L nuôi sẽ làm ảnh hưởng tới tâm lý của cháu.

2.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí. Đề nghị HĐXX:

- Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Trần Ngọc T.
- Về con chung: Giao chị L nuôi dưỡng chăm sóc 02 cháu T1 và P. Anh T không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Trần Ngọc T đăng ký thường trú tại thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam và đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam, do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét chị L, anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy L và anh Trần Ngọc T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới anh chị được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời, nghiện ma túy. Chị L và gia đình đã động viên đưa anh T đi cai nghiện nhưng không được, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ năm

2020. Đầu năm 2021 Tòa án nhân dân huyện B đã áp dụng biện pháp hành chính đưa anh T vào cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam với thời hạn 24 tháng.

Xét thấy hiện cả chị L, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn được ly hôn nhau là tự nguyện do vậy khả năng chị L, anh T đoàn tụ về chung sống là không còn; Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị L; xử cho chị L ly hôn anh T là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thùy L và anh Trần Ngọc T có 02 con chung là cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Trần Như P, sinh ngày 10/11/2012. Cháu P đang ở với chị L; cháu T1 đang ở với bà nội. Lúc đầu chị L và anh T cùng quan điểm là khi ly hôn chị L nuôi cháu P, anh T nuôi cháu T1; tuy nhiên sau khi Tòa án tiến hành hòa giải thì chị L thay đổi quan điểm đề nghị được nuôi cả hai cháu.

Xét hiện cháu P bị khuyết tật dạng vận động cần sự chăm sóc của người mẹ; còn cháu T1 mặc dù có nguyện vọng ở với bà nội tại quê mà không đi theo mẹ vào miền Nam nhưng xét bà nội không phải là người được quyền nuôi dưỡng cháu T1, anh T còn phải chấp hành cai nghiện bắt buộc khoảng 9 tháng nữa do vậy chấp nhận đề nghị của chị L; giao cháu T1 cháu P cho chị L nuôi dưỡng. Nếu sau này anh T chấp hành xong thời gian cai nghiện bắt buộc và có nhu cầu nuôi cháu T1 thì anh T có quyền khởi kiện đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn để giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự.

Đối với đề nghị của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị này của chị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với khả năng kinh tế của chị L và việc anh T hiện đang cai nghiện bắt buộc không có khả năng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận; không buộc anh T phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng(công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do trong quá trình giải quyết vụ án chị L, anh T tự nguyện không đề nghị giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết vấn đề này. Nếu sau này chị L, anh T xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thùy L ly hôn anh Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Trần Như P, sinh ngày 10/11/2012 cho chị Nguyễn Thùy L nuôi dưỡng. Anh Trần Ngọc T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T1 và cháu P cùng chị L.

Chị L và các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và cháu P.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy L phải nộp 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2021/0000549 ngày 12/6/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị L phải chịu. (*Chị L đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị L, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)